**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**TÀI LIỆU**

**QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ**

**Thủ tục “Thủ tục điện tử đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia nhập cảnh vào cảng thủy nội địa Việt Nam”**

**Mã thủ tục: 1.009440**

**Đơn vị thực hiện: Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực III và IV**

*(Quy trình điện tử giải quyết TTHC được tiếp nhận trực tiếp tại BPMC)*

**Hà Nội - 2025**

**MỤC LỤC**

[I. Giới thiệu 3](#_Toc187250344)

[II. Thông tin về thủ tục hành chính 3](#_Toc187250345)

[1. Tên thủ tục hành chính 3](#_Toc187250346)

[Thủ tục hành chính được quy trình điện tử là thủ tục “Thủ tục điện tử đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia nhập cảnh vào cảng thủy nội địa Việt Nam”. 3](#_Toc187250347)

[2. Căn cứ pháp lý 3](#_Toc187250348)

[3. Yêu cầu đầu vào của thủ tục 4](#_Toc187250349)

[4. Kết quả đầu ra của thủ tục 4](#_Toc187250350)

[III. Quy trình tin học hóa của thủ tục hành chính 5](#_Toc187250351)

[1. Sơ đồ quy trình 5](#_Toc187250352)

[2. Mô tả các bước quy trình 7](#_Toc187250353)

**THUẬT NGỮ VIẾT TẮT**

| **STT** | **Thuật ngữ/Viết tắt** | **Ý nghĩa** |
| --- | --- | --- |
| 1 | HS | Hồ sơ |
| 2 | GP | Giấy phép |
| 3 | GTVT | Giao thông vận tải |
| 4 | TN&TKQ | Tiếp nhận và trả kết quả |
| 5 | MCĐT | Một cửa điện tử |
| 7 | TH | Trường hợp |
| 8 | NLTT | Người làm thủ tục |
| 9 | TTHC | Thủ tục hành chính |

# Giới thiệu

Tài liệu hóa quy trình điện tử của thủ tục hành chính thực hiện trên hệ thống Một cửa điện tử liên thông của Bộ Giao thông vận tải. Tài liêu này nhằm mô tả chi tiết các bước công việc của quá trình giải quyết HS được đã được tin học hóa.

Các bước chính giải quyết hồ sơ tại Hệ thống một cửa bao gồm:

* Tiếp nhận hồ sơ
* Phân công xử thụ lý hồ sơ
* Thụ lý hồ sơ
* Phê duyệt hồ sơ
* Trả kết quả

# Thông tin về thủ tục hành chính

## Tên thủ tục hành chính

Thủ tục hành chính được quy trình điện tử là thủ tục “**Thủ tục điện tử đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia nhập cảnh vào cảng thủy nội địa Việt Nam**”.

## **Căn cứ pháp lý**

- Luật 23/2004/QH11 quy định về hoạt động giao thông đường thủy nội địa; các điều kiện bảo đảm an toàn giao thông đường thuỷ nội địa đối với kết cấu hạ tầng, Luật 48/2014/QH13 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật giao thông đường thủy nội địa;

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

- Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

- Nghị định số 139/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa;

- Thông tư 18/2021/TT-BGTVT ngày 14/9/2021 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức và hoạt động của Cảng vụ Đường thủy nội địa;

- Thông tư số 248/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định biểu mức thu chế độ thu, nộp và quản lý và sử dụng phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa.

- Các quy định hiện hành của nhà nước có liên quan.

## **Yêu cầu đầu vào của thủ tục**

Thành phần hồ sơ gồm:

*3.1. Giấy tờ để nhập lên Hệ thống Một cửa điện tử (khai báo lên hệ thống)*

a) Thông báo phương tiện đến cảng thủy nội địa theo Mẫu số 48 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 08/2020/NĐ-CP;

b) Giấy phép rời cảng thủy nội địa theo Mẫu số 39 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 08/2020/NĐ-CP;

c) Bản khai chung theo Mẫu số 40 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 08/2020/NĐ-CP;

d) Danh sách thuyền viên theo Mẫu số 41 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 08/2020/NĐ-CP;

đ) Danh sách hành khách theo Mẫu số 42 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 08/2020/NĐ-CP;

e) Bản khai hàng hóa theo Mẫu số 43 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 08/2020/NĐ-CP hoặc hợp đồng vận chuyển hoặc hóa đơn xuất kho hoặc giấy vận chuyển hàng hóa;

g) Bản khai kiểm dịch thực vật đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch thực vật theo Mẫu số 44 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

h) Bản khai kiểm dịch động vật đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch động vật theo Mẫu số 45 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

i) Bản khai vũ khí và vật liệu nổ (nếu có) theo Mẫu số 46 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

k) Bản khai người trốn trên tàu (nếu có) theo Mẫu số 47 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

*3.2. Giấy tờ xuất trình cho Cảng vụ*

- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện, giấy tờ liên quan đến hàng hóa vận tải trên phương tiện;

- Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện (hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức tín dụng trong trường hợp phương tiện đang cầm cố, thế chấp);

- Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện;

- Bản sao giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự (đối với phương tiện thuộc diện bắt buộc phải có bảo hiểm trách nhiệm dân sự);

- Giấy tờ liên quan đến hàng hóa vận tải trên phương tiện;

- Giấy phép vận tải thủy qua biên giới Việt Nam - Campuchia;

*3.3. Giấy tờ phải nộp*

GPRC (bản chính nếu là bản giấy hoặc đường link tra cứu nếu là bản điện tử)

*Ghi chú: Cảng vụ chỉ yêu cầu người làm thủ tục nộp, xuất trình các giấy tờ trong trường hợp cơ sở dữ liệu không có thông tin của phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện hoặc không đủ dữ liệu điện tử để kiểm tra, đối chiếu hoặc không bảo đảm điều kiện của chứng từ điện tử và người làm thủ tục chỉ khai báo dữ liệu lần đầu về phương tiện, thuyền viên trên phần mềm điện đử (do người làm thủ tục lựa chọn). Cảng vụ làm thủ tục đầu tiên kiểm tra, đối chiếu dữ liệu khai báo với bản chính xuất trình để giải quyết thủ tục cho phương tiện vào cảng thủy nội địa hoặc khi có sự thay đổi. Cơ sở dữ liệu về thuyền viên, người lái phương tiện, phương tiện, cảng thủy nội địa được lưu giữ trên Cổng thông tin một cửa quốc gia để làm cơ sở dữ liệu cho những lần làm thủ tục tiếp theo.*

*3.4. Thời gian xử lý*

Chậm nhất 30 phút, kể từ khi người làm thủ tục đã khai báo, nộp hoặc xuất trình đủ các hồ sơ, giấy tờ theo quy định.

## 5. Kết quả đầu ra của thủ tục

Giấy phép vào cảng.

# Quy trình tin học hóa của thủ tục hành chính

## Sơ đồ quy trình



## Mô tả các bước quy trình

| **Bước** | **Tên bước** | **Mô tả** | **Đối tượng thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- |
| **1** | Khai và nộp HS | Tổ chức/cá thực hiện HS trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc gửi qua đường bưu chính tới Cục Đường thủy nội địa Việt Nam: | NLTT |
| **2** | Kiểm tra tính đầy đủ theo quy định | Cán bộ TN&TKQ xem thông tin về thành phần HS để kiểm tra tính đầy đủ theo quy định.  Kết quả kiểm tra HS có thể 1 trong 3 trường hợp sau:  +TH1: Từ chối tiếp nhận  +TH2: Yêu cầu bổ sung  +TH3: Đồng ý tiếp nhận | Cán bộ TN & TKQ |
| 2.1 | Từ chối tiếp nhận | Cán bộ TN &TKQ từ chối tiếp nhận giải quyết HS và in phiếu Mẫu số 03 từ hệ thống để gửi cho NLTT | Cán bộ TN & TKQ |
| 2.1.1 | Nhận thông báo | NLTT nhận thông báo từ chối tiếp nhận hồ sơ và nhận lại kết quả, hồ sơ tại **Bước 8**. | NLTT |
| 2.2 | Yêu cầu bổ sung | Cán bộ TN&TKQ yêu cầu bổ sung, hoàn thiện HS và in phiếu Mẫu số 02 từ hệ thống để gửi cho NLTT | Cán bộ TN & TKQ |
| 2.2.1 | Nhận yêu cầu bổ sung | NLTT nhận phiếu yêu cầu bổ sung HS. | NLTT |
| 2.2.2 | Gửi hồ sơ bổ sung | Sau khi bổ sung và hoàn thiện HS, NLTT gửi lại cho Cán bộ TN&TKQ để nộp lại HS. | NLTT |
| 2.3 | Tiếp nhận hồ sơ | Cán bộ TN&TKQ sau khi kiểm tra hồ sơ đầy đủ thì chuyển cho Cảng vụ viên xử lý hồ sơ | Cán bộ TN & TKQ |
| **3** | Thẩm định HS | Cảng vụ viên xử lý thẩm định HS. Kết quả bước thẩm định HS:  + TH1: Từ chối HS  + TH2: Yêu cầu bổ sung HS  + TH3: Hồ sơ đạt yêu cầu  Tại đây, nếu hồ sơ đạt yêu cầu, Cảng vụ viên thông báo cho NLTT xuất trình giấy tờ bản chính để đối chiếu. | Cảng vụ viên |
| 3.1 | Từ chối HS | Trường hợp HS không hợp lệ, Cảng vụ viên xử lý soạn thông báo gửi cho NLTT tại để kết thúc như **Bước 2.1.1**. | Cảng vụ viên xử lý |
| 3.2 | Yêu cầu bổ sung HS | Trường hợp HS cần bổ sung, Cảng vụ viên xử lý soạn thông báo gửi NLTT | Cảng vụ viên xử lý |
| 3.2.1 | Nhận yêu cầu bổ sung HS | NLTT nhận yêu cầu và bổ sung hồ sơ để chuyển thẳng đến Cảng vụ viên xử lý | NLTT |
| 3.4 | Chấp thuận HS | Cảng vụ viên xử lý tiến hành thẩm định HS, hồ sơ đạt yêu cầu Cảng vụ viên soạn giấy phép vào, đồng thời đối chiếu giấy tờ bản chính. | Cảng vụ viên xử lý |
| 3.5 | Ký số giấy phép | Cảng vụ viên xử lý ký số giấy phép vào cảng và thông báo thanh toán phí, lệ phí cho NLTT | Cảng vụ viên xử lý |
| **4** | Nhận thông báo phí, lệ phí | NLTT nhận được thông báo phí, lệ phí và thanh toán | NLTT |
| **5** | Xác nhận thu phí | Kế toán kiểm tra và xác nhận đã thu phí, lệ phí | Kế toán |
| **6** | Xác nhận đóng dấu Giấy chứng nhận | Hệ thống hiển thị danh sách HS thực hiện việc xác nhận đóng dấu, Cán bộ TN&TKQ thực hiện lấy số và đóng dấu Giấy chứng nhận. | Cán bộ TN&TKQ |
| **7** | Số hóa và trả kết quả | Cán bộ TN&TKQ thực hiện số hóa HS giải quyết và trả kết quả cho NLTT. | Cán bộ TN&TKQ |
| **8** | Nhận kết quả | NLTT sẽ nhận được kết quả giải quyết thủ tục hành chính. | NLTT |